

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC A AN
A AN FOOD JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Số/Ref.: 35/2025/CBTT-AAN

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025
Ha Noi, October 30, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước
State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ha Noi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN
Name of organization: A AN FOOD JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán: AAN
Ticker symbol: AAN
- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Address: 14th Floor, Diamond Flower Building, No. 48 Le Van Luong Street, N1 New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam
- Điện thoại liên hệ: 1900 6869
Tel.: 1900 6869
- E-mail: ir@aan.vn

2. Nội dung công bố:

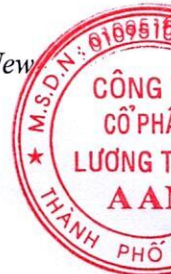
Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính Riêng Quý 3 năm 2025/ Separate Financial Statements for the third quarter of 2025.

Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2025/ Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025.

Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC Riêng Quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 //
Explanation of changes in profit after tax on Separate Financial Statements for the third quarter of 2025 compared the same period in 2024.

Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC Hợp nhất Quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 //
Explanation of changes in profit after tax on Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025 compared the same period in 2024.



3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2025 tại đường dẫn: <http://aan.vn>.

This information was published on the company's website on October 30, 2025 at <http://aan.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We certify that the information presented is true and correct, and we accept full legal responsibility for its validity./

Tài liệu đính kèm/Attachment:

Báo cáo tài chính Riêng quý 3 năm 2025/
Separate Financial Statements for the third quarter of 2025.

Báo cáo tài chính Hợp nhất quý 3 năm 2025/
Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025.

Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC
Riêng quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm
2024 // *Explanation of changes in profit after
tax on Separate Financial Statements for the
third quarter of 2025 compared the same
period in 2024.*

Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC Hợp
nhất quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm
2024 // *Explanation of changes in profit after
tax on Consolidated Financial Statements
for the third quarter of 2025 compared the
same period in 2024.*

Đại diện tổ chức

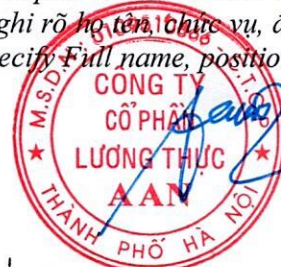
Representative

Người UQ CBTT

Person to Implement Disclosure of Information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, specify Full name, position and stamp)



TRƯƠNG ĐỨC NAM





Lành gạo - Ngon cơm

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ III NĂM 2025

THÁNG 10 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu số B01a – DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/09/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.231.525.542.083	926.012.658.363
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.730.802.780	63.731.105.468
1. Tiền	111		2.730.802.780	50.731.105.468
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		135.500.000.000	154.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	135.500.000.000	154.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		416.126.355.305	265.758.739.983
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	390.289.251.646	234.212.764.889
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.801.576.489	9.293.583.536
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	22.035.527.170	22.062.225.158
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	190.166.400
IV. Hàng tồn kho	140		650.030.785.065	432.526.547.002
1. Hàng tồn kho	141	V.6	650.030.785.065	432.526.547.002
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.137.598.933	9.996.265.910
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3.630.570.274	1.421.016.413
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.507.028.659	8.575.249.497
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu số B01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số TM	30/09/2025	01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	313.635.601.340	313.474.625.999
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	21.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216 V.5b	21.000.000	-
II. Tài sản cố định	220	143.321.518.363	144.412.205.116
1. Tài sản cố định hữu hình	221 V.10	91.830.902.799	89.108.285.730
- Nguyên giá	222	113.887.921.366	103.287.413.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(22.057.018.567)	(14.179.128.261)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227 V.9	51.490.615.564	55.303.919.386
- Nguyên giá	228	62.243.408.879	62.243.408.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(10.752.793.315)	(6.939.489.493)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	820.926.066	1.224.936.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242 V.8	820.926.066	1.224.936.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	158.500.000.000	158.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251 V.2b	158.500.000.000	158.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	10.972.156.911	9.337.484.883
1. Chi phí trả trước dài hạn	261 V.7	10.972.156.911	9.337.484.883
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
5. Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.545.161.143.423	1.239.487.284.362

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu số B01a – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/09/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.091.672.777.414	810.734.129.391
I. Nợ ngắn hạn	310		1.091.672.777.414	810.734.129.391
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	257.828.167.425	39.899.225.958
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.897.728.802	20.626.731.933
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.946.173.964	2.484.417.812
4. Phải trả người lao động	314		2.659.642.241	2.729.862.870
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	6.490.216.114	4.697.189.453
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	622.094.700	145.071.155
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	816.228.754.168	740.151.630.210
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		453.488.366.009	428.753.154.971
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	453.488.366.009	428.753.154.971
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		103.488.366.009	78.753.154.971
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78.753.154.971	51.584.400.279
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.735.211.038	27.168.754.692
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.545.161.143.423	1.239.487.284.362

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Giang

Nguyễn Thị Trà Giang

Kế toán trưởng

Trang

Phạm Thị Trang



Tổng Giám đốc

Trương Mạnh Linh

Trương Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Mẫu số B02a – DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	773.347.075.012	734.452.933.809	2.286.730.544.236	1.363.521.626.269
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.371.003.554	699.747.461	5.544.099.420	6.318.003.388
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	770.976.071.458	733.753.186.348	2.281.186.444.816	1.357.203.622.881
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	728.769.629.137	705.451.122.105	2.160.440.191.491	1.289.358.840.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		42.206.442.321	28.302.064.243	120.746.253.325	67.844.782.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.681.979.434	508.311.128	5.060.665.592	915.053.134
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	11.653.319.566	7.405.711.687	34.118.927.462	14.294.741.849
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.192.186.655	6.956.646.609	32.744.046.142	13.396.179.236
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	12.253.383.903	10.338.395.894	38.359.765.919	28.551.211.337
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	7.607.370.697	4.464.762.568	23.235.387.299	13.041.486.889
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		12.374.347.589	6.601.505.222	30.092.838.237	12.872.395.282
11. Thu nhập khác	31	VI.9	485.330.703	28.750.273	1.600.275.659	139.639.891
12. Chi phí khác	32	VI.10	514.627	27.774.445	322.298.277	40.392.413
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		484.816.076	975.828	1.277.977.382	99.247.478

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Mẫu số B02a – DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	12.859.163.665	6.602.481.050	31.370.815.619	12.971.642.760
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 VI.11	2.571.962.086	1.635.227.112	6.635.604.581	2.945.241.232
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	10.287.201.579	4.967.253.938	24.735.211.038	10.026.401.528

Người lập biểu

Nguyễn Thị Trà Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Trang

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Tổng Giám đốc



Trương Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Mẫu số B03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.370.815.619	12.971.642.760
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11.691.194.128	10.818.274.582
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.060.665.592)	(926.634.741)
- Chi phí lãi vay	06 VI.6	32.744.046.142	13.396.179.236
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.745.390.297	36.259.461.837
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(171.394.761.059)	84.929.239.213
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(217.504.238.063)	(181.141.107.358)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	200.666.084.603	(79.377.855.978)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	(3.844.225.889)	(579.870.930)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(32.801.333.402)	(13.196.616.532)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13	(2.388.562.109)	(7.007.681.564)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(156.521.645.622)	(160.114.431.312)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.133.686.816)	(49.778.691.736)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	304.700.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(41.500.000.000)	(71.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	60.000.000.000	24.000.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.077.905.792	578.402.073
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.444.218.976	(105.895.589.663)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Mẫu số B03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.278.416.964.060	628.390.686.410
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.202.339.840.102)	(344.283.370.500)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	76.077.123.958	284.107.315.910
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	(61.000.302.688)	18.097.294.935
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	63.731.105.468	22.425.166.339
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70 V.1	2.730.802.780	40.522.461.274

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Giang

Nguyễn Thị Trà Giang

Kế toán trưởng

Trang

Phạm Thị Trang



Tổng Giám đốc

Trương Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Khái quát về Công ty:**

Công ty Cổ phần Lương thực A An được thành lập vào ngày 27/01/2021 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 05 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn điều lệ, thông tin người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 số 0109510866 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 02 năm 2025.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 05: 350.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2025: 350.000.000.000 VND.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 1900 6869

Mã số thuế : 0 1 0 9 5 1 0 8 6 6

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, Thương mại

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Xuất khẩu gạo.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. **Cấu trúc công ty:**

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Thành phố Hồ Chí Minh (*)	Số 144-146-148 đường số 11, Khu phố 5 - Phường An Phú - TP Hồ Chí Minh	Bán buôn, bán lẻ gạo
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Đồng Tháp	Đường ven Sông Hậu, ấp An Ninh, Xã Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ gạo và hoạt động xay xát

(*) Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Thành phố Hồ Chí Minh chính thức chấm dứt hoạt động từ ngày 13/5/2025 theo Thông báo cùng ngày số 315210/25 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính TP. HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng	Số 494 Ấp Tân Quới, Xã Thanh Đông, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Buôn bán thực phẩm, xay xát và sản xuất bột thô.	99%	99%
Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza	Ấp Giồng Cát, xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang, Việt Nam	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%

Hiện các công ty con đang hoạt động bình thường.

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (472 tháng).

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 28
Máy móc và thiết bị	4 – 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 9
Thiết bị, dụng cụ quản lý	7 – 8

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty là:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng đến ngày 07/01/2061 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 55 xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; diện tích 31.868 m². Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất này tại đơn vị là 450 tháng.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng đến ngày 02/01/2058 tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 1 xã Hội An, tỉnh An Giang; diện tích 7.672 m². Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất này tại đơn vị là 412 tháng.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì công ty được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý công ty

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý công ty phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý công ty (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý công ty; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2025	01/01/2025
Tiền	2.730.802.780	50.731.105.468
Tiền mặt	508.772.172	179.350.237
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.222.030.608	50.551.755.231
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (hoặc dưới 3 tháng)	-	13.000.000.000
Cộng	2.730.802.780	63.731.105.468

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	135.500.000.000	135.500.000.000	154.000.000.000	154.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	135.500.000.000	135.500.000.000	154.000.000.000	154.000.000.000
Cộng	135.500.000.000	135.500.000.000	154.000.000.000	154.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,5% - 5,5%/năm tại các ngân hàng:

- + Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội: 61.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Quân đội: 43.500.000.000 VND;
- + Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam: 15.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN: 10.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: 6.000.000.000 VND.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	158.500.000.000	158.500.000.000	158.500.000.000	158.500.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng (1)	148.500.000.000	148.500.000.000	148.500.000.000	148.500.000.000
Công ty TNHH Dầu gạo A An - ORYZA (2)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng số tiền 148.500.000.000 đồng tương đương 99% vốn điều lệ của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801581566 thay đổi lần thứ 09 ngày 25 tháng 11 năm 2024 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) cấp, tổng vốn điều lệ là 150.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza số tiền 10.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1602184250 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 07 năm 2024 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Nông nghiệp Lâm Tuyết	76.514.571.000	-
Công ty TNHH Lâm Phúc Thịnh Thốt Nốt	73.970.610.000	-
Công ty CP Chế biến Nông sản Thanh Hưng	65.931.232.500	30.846.000.000
Cty TNHH Phúc Tường Minh	36.801.771.875	-
Công ty TNHH Kinh doanh Phát triển Phát Đạt	29.528.725.375	-
Công ty TNHH Bía Carlsberg Việt Nam	25.715.082.780	-
Công ty CP Gạo Hạnh Phúc	22.512.712.687	1.435.280.900
Công ty TNHH Lương thực Cờ Đỏ	16.636.904.000	-
Công ty TNHH Nhà máy Bía Heineken Việt Nam	14.081.549.466	14.832.014.000
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	9.742.131.476	15.261.126.246
Công ty CP Thực phẩm Richy Miền Bắc	5.531.910.300	5.680.206.000
Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina	3.060.540.000	-
Các khách hàng khác	10.261.510.187	166.158.137.743
Cộng	390.289.251.646	234.212.764.889

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hà Gia Phát	240.390.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Matsuda	875.160.000	875.160.084
Công ty CP Du lịch Vietravel - Chi nhánh Đà Nẵng	287.612.925	-
Công ty TNHH MTV Lương thực Thoại Sơn	382.370.584	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ và Du lịch Tân Thạnh	607.500.000	1.335.000.000
Hợp tác xã Nông nghiệp Nông Thuận Phát	928.400.000	1.603.800.000
Các nhà cung cấp khác	480.142.980	5.479.623.452
Cộng	3.801.576.489	9.293.583.536

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

5. Phải thu khác

	30/09/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn	22.035.527.170	22.062.225.158
Lãi tiền gửi dự thu	2.015.375.349	2.032.616.438
Ký cược, ký quỹ	20.000.700.000	20.021.400.000
- Công ty Cổ Phần CBOT Việt Nam (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
- Đặt cọc thẻ gửi xe	700.000	21.400.000
Tạm ứng cho CBCNV	19.250.541	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	201.280	8.208.720
b. Dài hạn	21.000.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	21.000.000	-
Cộng	22.056.527.170	22.062.225.158

(*) Công ty đặt cọc cho Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam theo Hợp đồng Thuê tài sản số 2024104/HĐTVLP/CB-AAN/2024 ký ngày 1/4/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 20241511/HĐTVLP/CB-AAN/2024 ký ngày 15/11/2024, Phụ lục Hợp đồng số 20251512/HĐTVLP/CB-AAN/2025 ký ngày 15/3/2025 để thuê toàn bộ mặt bằng, tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 145/18 Nguyễn Văn Hưởng, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh để làm tài sản đảm bảo cho việc huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà. Số tiền đặt cọc: 20.000.000.000 VND, thời hạn thuê đến ngày 31/3/2026.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	67.888.385.749	-	163.032.844.865	-
Công cụ, dụng cụ	1.514.5132.774	-	11.475.055.009	-
Thành phẩm	503.911.984.856	-	185.519.433.342	-
Hàng hóa	63.085.281.686	-	72.499.213.786	-
Cộng	650.030.785.065	-	432.526.547.002	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

7. Chi phí trả trước

	30/09/2025	01/01/2025
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	3.630.570.274	1.421.016.413
Công cụ, dụng cụ	760.269.210	298.354.581
Chi phí thuê mặt bằng	125.777.778	24.000.000
Chi phí phần mềm quản lý	1.083.776.795	541.888.397
Chi phí kiểm nghiệm dư lượng lúa gạo	840.873.183	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	819.873.308	556.773.435
b. Chi phí trả trước dài hạn	10.972.156.911	9.337.484.883
Quyền sử dụng đất	6.200.927.982	6.325.778.881
Công cụ, dụng cụ	202.105.123	84.728.408
Chi phí sửa chữa, bảo trì tài sản	1.582.004.271	-
Chi phí tư vấn quản trị doanh nghiệp	2.472.416.667	2.440.305.556
Các chi phí trả trước dài hạn khác	514.702.868	486.672.038
Cộng	14.602.727.185	10.758.501.296

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2025	01/01/2025
- Chi phí dự án nghiên cứu giống lúa mới	820.926.066	-
- Chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc thiết bị	-	1.224.936.000
Cộng	820.926.066	1.224.936.000

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	38.193.768.879	24.049.640.000	62.243.408.879
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kì	38.193.768.879	24.049.640.000	62.243.408.879
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.559.191.715	5.380.297.778	6.939.489.493
Khấu hao trong năm	812.873.822	3.000.430.000	3.813.303.822
Số cuối kì	2.372.065.537	8.380.727.778	10.752.793.315
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	36.634.577.164	18.669.342.222	55.303.919.386
Số cuối kì	35.821.703.342	15.668.912.222	51.490.615.564

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025****10. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	49.041.954.015	49.053.961.874	4.973.734.056	217.764.046	103.287.413.991
<i>Mua trong năm</i>	-	10.600.507.375	-	-	10.600.507.375
Số dư cuối kì	49.041.954.015	59.654.469.249	4.973.734.056	217.764.046	113.887.921.366
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.429.219.208	7.954.401.675	1.742.771.928	52.735.450	14.179.128.261
<i>Khấu hao trong năm</i>	2.236.848.107	4.924.154.003	691.147.642	25.740.554	7.877.890.306
Số dư cuối kì	6.666.067.315	12.878.555.678	2.433.919.570	78.476.004	22.057.018.567
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	44.612.734.807	41.099.560.199	3.230.962.128	165.028.596	89.108.285.730
Số dư cuối kì	42.375.886.700	46.775.913.571	2.539.814.486	139.288.042	91.830.902.799

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
Công ty CP Nông nghiệp Kiến Nông	107.570.328.500	-
Công ty TNHH Lương thực Gạo Việt	93.938.170.000	-
Công ty CP Lương Thực Vinarice Việt Nam	33.621.127.747	-
Công ty TNHH Hai thành viên XNK Lương thực Vinh Phát	3.578.547.000	-
Các nhà cung cấp khác	19.119.994.178	39.899.225.958
Cộng	257.828.167.425	39.899.225.958

12. Người mua trả tiền trước

	30/09/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Huy Quang Tân Hiệp	138.000.000	276.000.000
Công ty TNHH Quang Dũng	476.336.398	61.950.661
Công ty TNHH Lương thực Hồng Phát	84.533.100	84.533.100
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Duy	591.485.876	53.951.198
Công ty CP Lương thực Bình Minh	-	13.899.180.472
Công ty CP Pacific Group	-	1.685.400.000
Các khách hàng khác	607.373.428	4.565.716.502
Cộng	1.897.728.802	20.626.731.933

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kì	Số đã thực nộp trong kì	Số cuối kì
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.681.048.754	6.635.604.581	2.388.562.109	5.928.091.226
Thuế thu nhập cá nhân	48.637.618	444.026.499	474.581.379	18.082.738
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	754.731.440	113639	754.845.079	-
Cộng	2.484.417.812	7.088.744.719	3.626.988.567	5.946.173.964

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau:

Trước 01/7/2025:

- Sản phẩm cây trồng chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường và các phụ phẩm phát sinh trong quá trình sơ chế bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT
- Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chưa qua chế biến hoặc sơ chế bán cho hộ, cá nhân kinh doanh và các cá nhân, tổ chức khác 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

- Hàng hóa, dịch vụ khác 8%; 10%

Từ ngày 01/7/2025

- Sản phẩm cây trồng chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường và các phụ phẩm phát sinh trong quá trình sơ chế 5%
- Hàng hóa, dịch vụ khác 8%; 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí vận chuyển	2.734.202.160	1.546.711.795
Trích trước chi phí thuê tài sản, kho bãi	1.502.629.043	1.355.454.543
Trích trước chi phí lãi vay	664.766.603	742.138.183
Trích trước chi phí điện	195.183.542	253.536.104
Trích trước chi phí thuê gia công	35.678.994	405.534.013
Các khoản trích trước khác	1.357.755.772	393.814.815
Cộng	6.490.216.114	4.697.189.453

15. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	314.857.830	144.233.080
Bảo hiểm xã hội	228.633.870	-
Bảo hiểm y tế	39.346.325	838.075
Bảo hiểm thất nghiệp	18.491.160	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.765.515	-
Cộng	622.094.700	145.071.155

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng có kỳ hạn vay từ 5 – 6 tháng, lãi suất dao động từ 5,5% - 8,1%/năm, chi tiết như sau:

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngân hàng				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Sở Giao Dịch	53.391.762.247	53.391.762.247	121.159.609.250	121.159.609.250
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà	389.973.771.169	389.973.771.169	356.944.025.000	356.944.025.000
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – CN Đồng Nai	149.899.128.632	149.899.128.632	149.970.000.000	149.970.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long	71.097.205.065	71.097.205.065	54.999.622.460	54.999.622.460
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	91.108.094.820	91.108.094.820	57.078.373.500	57.078.373.500
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Sài Gòn	46.343.186.534	46.343.186.534	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - CN Hàn Thuyên	14.413.998.882	14.413.998.882	-	-
Dự nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - CN Hàn Thuyên	1.606.819	1.606.819	-	-
Cộng	816.228.754.168	816.228.754.168	740.151.630.210	740.151.630.210

17. Vốn chủ sở hữu*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	350.000.000.000	51.584.400.279	401.584.400.279
Lợi nhuận		27.168.754.692	27.168.754.692
Số dư cuối năm trước	350.000.000.000	78.753.154.971	428.753.154.971
Số dư đầu năm nay	350.000.000.000	78.753.154.971	428.753.154.971
Lợi nhuận		24.735.211.038	24.735.211.038
Số dư cuối kì	350.000.000.000	103.488.366.009	453.488.366.009

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/09/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	0,00%	-	155.000.000.000
Công ty Cổ phần Siba Holdings	52,14%	182.500.000.000	182.500.000.000
Ông Trương Mạnh Linh	2,14%	7.500.000.000	-
Các cổ đông khác (tỉ lệ sở hữu dưới 5%)	45,72%	160.000.000.000	12.500.000.000
Cộng	100,00%	350.000.000.000	350.000.000.000

c) Cổ phiếu

	30/09/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**a) Ngoại tệ các loại**

	30/09/2025	01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	-	0,49

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
Hệ thống Siêu thị TH Mart - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại TH	3.247.200	Công nợ không có khả năng thu hồi	3.247.200	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cái Gia	230.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	230.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Đại Thanh Hải	84.459.533	Công nợ không có khả năng thu hồi	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Intimex Sài Gòn	90.166.400	Công nợ không có khả năng thu hồi	-	
Cộng	407.873.133		233.247.200	

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm	2.286.730.544.236	1.363.521.626.269
Cộng	2.286.730.544.236	1.363.521.626.269

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Chiết khấu thương mại	3.491.778.692	5.960.139.596
Hàng bán bị trả lại	2.052.320.728	357.863.792
Cộng	5.544.099.420	6.318.003.388

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm	2.281.186.444.816	1.357.203.622.881
Cộng	2.281.186.444.816	1.357.203.622.881

4. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm đã bán	2.160.440.191.491	1.289.358.840.658
Cộng	2.160.440.191.491	1.289.358.840.658

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.060.664.703	914.503.715
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	889	549.419
Cộng	5.060.665.592	915.053.134

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

6. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền vay	32.744.046.142	13.396.179.236
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	43.284.777	10.444.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.142.000	4.482.000
Chi phí tài chính khác (thuê tài sản làm TSDB)	1.325.454.543	883.636.362
Cộng	34.118.927.462	14.294.741.849

7. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân viên	13.431.084.161	13.401.098.852
Chi phí bao bì, dụng cụ, đồ dùng	2.609.503.907	47.631.912
Chi phí khấu hao TSCĐ	260.306.190	290.111.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.981.434.564	9.302.112.974
- Chi phí vận chuyển	14.615.086.402	4.833.625.539
- Chi phí bốc xếp	1.160.706.903	847.960.912
- Chi phí bán hàng qua sàn TMĐT	497.819.121	117.664.424
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.707.822.138	3.502.862.099
Chi phí bằng tiền khác	4.077.437.097	5.510.256.332
Cộng	38.359.765.919	28.551.211.337

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân viên	12.301.760.066	5.871.423.768
Chi phí đồ dùng văn phòng	399.135.464	606.792.322
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.436.075.009	3.540.025.009
Thuế, phí, lệ phí	9.000.000	11.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.737.312.938	1.215.885.990
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.352.103.822	1.796.359.800
- Chi phí xây nhà tình nghĩa	1.000.000.000	-
- Chi phí tư vấn quản trị doanh nghiệp	685.000.000	92.472.222
- Chi phí quản lý khác	3.667.103.822	1.703.887.578
Cộng	23.235.387.299	13.041.486.889

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

9. Thu nhập khác

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Tiền bồi thường vận chuyển	652.758.457	109.308.235
Tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	399.200.000	-
Tiền thưởng đoạt giải Chương trình TRVC (*)	331.230.436	-
Xử lý công nợ	110.975.886	13.300.000
Tài sản thừa (tiền chênh lệch đầu cân)	63.596.773	-
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ (chưa bù trừ với chi phí thanh lý)	-	277.000.000
Các khoản thu nhập khác	42.514.107	5.450.049
Cộng	1.600.275.659	405.058.284

(*) Ngày 20/8/2025, Công ty nhận được khoản tiền thưởng từ “Chương trình chuyển đổi chuỗi giá trị lúa gạo ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (TRVC)” vụ thứ 2 do Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV) tổ chức, do đạt được kết quả xuất sắc trong việc sản xuất lúa gạo **phát thải thấp** tại Việt Nam; bao gồm giảm phát thải khí nhà kính, điểm đánh giá độ tin cậy và kết quả kinh tế - xã hội. Theo đó, Công ty Cổ phần Lương thực A An đã đạt được tổng lượng giảm phát thải là **8.246,36 tấn CO2** (hay 8.246,36 tCO2e).

10. Chi phí khác

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Chi phí xử lý nợ (xóa nợ)	175.146.046	10.720
Các khoản bị truy thu, phạt vi phạm hành chính về thuế tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	147.150.542	72.150
Chi phí thanh lý TSCĐ (giá trị còn lại của TSCĐ)	-	265.418.393
Các khoản chi phí khác	1.689	40.309.543
Cộng	322.298.277	305.810.806

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được dự tính như sau:

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.370.815.619	12.971.642.760
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	343.181.267	234.933.745
- Các khoản điều chỉnh tăng	343.181.267	234.933.745
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	<i>147.150.541</i>	-
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>196.030.726</i>	<i>234.933.745</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	31.713.996.886	13.206.576.505
Thu nhập tính thuế	31.713.996.886	13.206.576.505
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.342.799.377	2.641.315.301
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	292.805.204	303.925.931
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	6.635.604.581	2.945.241.232

12. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Long An	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
VIET AGRO PTE. LTD.	Công ty có cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng	Công ty con
Công ty TNHH Dầu gạo A An - Oryza	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Chi tiết giao dịch và số dư với các bên liên quan khác như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kì	Số dư cuối kì phải thu/(phải trả)
1.	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn	Thanh toán tiền hàng Mua hàng hoá	6.579.086.652 63.348.480	-
2.	Chi nhánh Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Long An	Công ty mẹ là cổ đông lớn	Thanh toán tiền hàng	193.860.864	-
3.	Công ty TNHH XNK Yên Đăng	Công ty con	Chi phí thuê gia công phải trả Thanh toán tiền thuê gia công	2.361.128.931 691.045.317	(1.670.083.614)
4.	Công ty CP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	Công ty cùng Tập đoàn	Thu tiền bán hàng	47.713.536	-

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kì kế toán

Ngày 01/10/2025, Công ty CP Lương thực A An được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 339/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các nội dung chính như sau:

- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- + Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu;
- + Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 30.000.000 cổ phiếu;
- + Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký chào bán theo mệnh giá: 300.000.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2025, Công ty CP Lương thực A An nhận được Công văn số 13412/VSDC-ĐKCP.NV của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc chấp thuận đăng ký cổ phiếu và cấp mã chứng khoán kể từ ngày 08/10/2025:

- + Tên cổ phiếu: Công ty CP Lương thực A An
- + Mã cổ phiếu: AAN
- + Số lượng CP đăng ký: 35.000.000 cổ phiếu.

Ngày 09/10/2025, HĐQT Công ty CP Lương thực A An đã ban hành Nghị quyết số 0910/2025/AAN-NQHĐQT về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với các nội dung chính sau:

- + Ngày đăng ký cuối cùng: 24/10/2025
- + Lý do và mục đích: Thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- + Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: 30.000.000 cổ phiếu;
- + Giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phiếu
- + Tỷ lệ thực hiện: 35:30;
- + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ 31/10/2025 đến 24/11/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 09 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo riêng giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

GT

Trang



Nguyễn Thị Trà Giang

Phạm Thị Trang

Trương Mạnh Linh

